Chi tiết mã HS 8458.19.90

Mã HS	8458.19.90
Mô tả hàng hóa	Máy tiện (kể cả trung tâm gia công tiện) để bóc tách kim loại / - Máy tiện ngang: / - - Loại khác: / - - - Loại khác
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	01/11/2026 20:55:10
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/84581990/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	3	3%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14100
Thuế NK ưu đãi (MFN)	2	2%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14100
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14100
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	1.1	1,1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13430
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13371
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13371
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13371
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13371
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13371
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13371
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13425
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13425

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13425
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13425
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13425
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13425
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13426
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13426
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13426
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13426
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13426
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13426
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13429
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13377
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13385
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13385
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13385
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13385
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13385
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13385
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13416
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13416
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13416
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13416
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13416
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13416
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13465
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13465

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13465
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13465
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13465
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13465
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13448
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13448
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13448
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13448
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13448
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13448
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13448
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13448
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13448
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13448
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13448
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13448
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13463
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13463
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13463
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13463
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13463
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13463
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13462
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13462
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13462
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13462

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13462
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13462
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13442
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13442
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13442
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13442
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13442
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13442
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13442
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13450
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13450
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13450
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13450
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13450
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13450
RCEP B	2022	2022	0	B!D13450
RCEP B	2023	2023	0	B!E13450
RCEP B	2024	2024	0	B!F13450
RCEP B	2025	2025	0	B!G13450
RCEP B	2026	2026	0	B!H13450
RCEP B	2027	2027	0	B!I13450
RCEP C	2022	2022	0	C!D13450
RCEP C	2023	2023	0	C!E13450
RCEP C	2024	2024	0	C!F13450
RCEP C	2025	2025	0	C!G13450
RCEP C	2026	2026	0	C!H13450

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I13450
RCEP D	2022	2022	0	D!D13449
RCEP D	2023	2023	0	D!E13449
RCEP D	2024	2024	0	D!F13449
RCEP D	2025	2025	0	D!G13449
RCEP D	2026	2026	0	D!H13449
RCEP D	2027	2027	0	D!I13449
RCEP E	2022	2022	0	E!D13453
RCEP E	2023	2023	0	E!E13453
RCEP E	2024	2024	0	E!F13453
RCEP E	2025	2025	0	E!G13453
RCEP E	2026	2026	0	E!H13453
RCEP E	2027	2027	0	E!I13453
RCEP F	2022	2022	0	F!D13450
RCEP F	2023	2023	0	F!E13450
RCEP F	2024	2024	0	F!F13450
RCEP F	2025	2025	0	F!G13450
RCEP F	2026	2026	0	F!H13450
RCEP F	2027	2027	0	F!I13450
VIFTA	2024	2024	1.7	VI!F12478
VIFTA	2025	2025	1.4	VI!G12478
VIFTA	2026	2026	1.1	VI!H12478
VIFTA	2027	2027	0.9	VI!I12478

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8458.19 có 2 dòng thuế; dòng 8458.19.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	8458.19.10 Có bán kính gia công tiện không quá 300 mm	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8458.19.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 2% của mã 8458.19.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14100), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.